



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1739E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy thử độ bền uốn, kéo, nén*
Object:

Kiểu: *Cơ (Model: WE-1000B)*
Type:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications:

- Phạm vi đo: $(0 \div 1000) \text{ kN}$
- Vạch chia: $0,5 \text{ kN}$

Số: *100501*
Serial No:
Năm:
Year:

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY**
User :

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 109:2002*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng : *Lực kế chuẩn 3000 kN; $U = 0,05\%$ ($k=2, P=95\%$)*
Standards used: *(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN – VMI)*

Kết quả: *Xem trang sau*
Conclusion:

Số tem: *HC-25861*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 07 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026
Date of issue

Giám Đốc
Director

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ Enclose the result sheet with number **Nº: 1739E.26/DLMT**

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results

STT	Giá trị đọc trên phương tiện đo (kN)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (kN)	Độ lệch (kN)	Độ KĐBĐ k=2; P=95%
1	100	99,29	0,71	1,49
2	200	198,22	1,78	1,34
3	300	298,29	1,71	1,72
4	400	398,56	1,44	2,01
5	500	497,37	2,63	1,64
6	600	597,12	2,88	1,13
7	700	697,03	2,97	1,27
8	800	797,75	2,25	2,22
9	900	897,33	2,67	2,85

Phương trình hiệu chuẩn: $y = 0,9978x - 1,0147$

Trong đó: y là giá trị tính toán, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo (kN)

Điều kiện môi trường:

Nhiệt độ/ Temperature: (28) °C

Environmental conditions:

Độ ẩm/ Relative humidity: (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Trang 2

Nº of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Do Lương Miền Trung



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN
ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * Điện Thoại: 0236.654.8449

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO KIỂM TRA
CERTIFICATE OF MEASUREMENT AND TEST RESULTS

Số: 1762E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy siêu âm cọc nhồi*
Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: U930)*
Type:

Số: *N/A*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Specifications:

- Khả năng đo sâu: (0 đến 100) m
- Phạm vi đo: 0-10 mm; Độ chính xác đo: 0,01mm
- Độ rộng dải tần: (kHz) 1 ~ 500
- Độ nhạy: (μV) ≤ 10

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY**
User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *So sánh và đo kiểm tra trực tiếp*
Method of calibration: *Tham khảo ASTM D6760; TCVN 9396:2012*

Thiết bị sử dụng: *Thiết bị chuẩn độ dài, thước cặp, đồng hồ bấm giây*
Standards used:

Kết quả: *Thiết bị đã được kiểm tra, đo thử nghiệm, các thông số cơ bản của nhà chế tạo*
result: *và đáp ứng theo tiêu chuẩn ASTM D6760; TCVN 9396:2012*

Số tem: *HC-12916*

Stamp N°:
Ngày hiệu chuẩn đến (*) Ngày 07 tháng 5 năm 2027
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Giám Đốc
Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

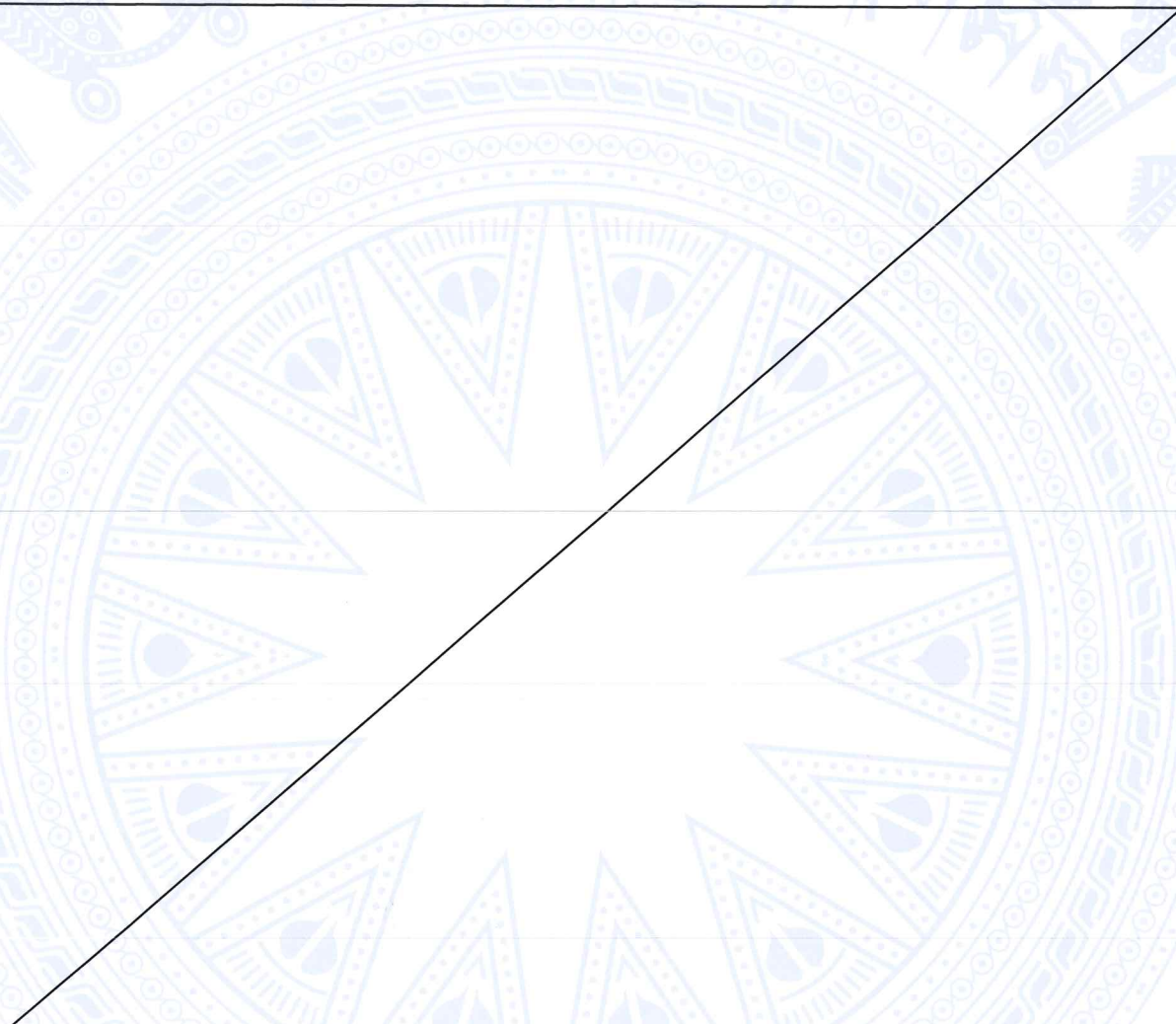
KẾT QUẢ ĐO KIỂM TRA

TEST RESULTS

Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ: (31) °C
- Độ ẩm : (68) %RH

Độ không đảm bảo đo: Với độ tin cậy $P = 95\%$, hệ số phủ $k = 2$





ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1740E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Phương tiện đo nhiệt độ (Tủ sấy)*

Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: HN101-2)*

Type:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật :

Specifications:

Số: *11056*

Serial No:

Năm: *N/A*

Year:

- Phạm vi đo: *Max 300 °C*

- Vạch chia: *1 °C*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIẾN HUY**

User :

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 138.2/2018*

Method of Calibration:

Thiết bị sử dụng: *Bộ nhiệt đa kênh, lò chuẩn nhiệt, cảm biến nhiệt độ chuẩn*

Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*

Results:

Số tem: *HC-25862*

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 07 tháng 5 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện

Implementer

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ Enclose the result sheet with number N°: 1740E.26/ĐLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results

TT	Giá trị đọc trên phương tiện đo (°C)	Giá trị đọc trên thiết bị hiệu chuẩn (°C)	Độ lệch (°C)	Độ KĐBD mở rộng: k=2; P = 95%
1	50	50,6	0,6	3,25
2	100	101,1	1,2	
3	150	151,5	1,5	
4	200	201,5	1,5	
5	250	251,4	1,4	

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ Temperature: (34) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ Relative humidity: (67) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1741E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cân đo Benkenman*
Object

Kiểu: *BKM-2.1*
Type:

Nơi sản xuất: *Việt Nam*
Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật :
Specifications:

Số: *10153*
Serial No:

Năm: *N/A*
Year:

- Tỷ lệ: *Cánh tay đòn 2/1*
- Đồng hồ so: *từ 0 ÷ 10 mm*
- Giá trị vạch chia đồng hồ so: *0,01 mm*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIẾN HUY**
User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 05.2/2018*
Method of Calibration:

Thiết bị sử dụng : *Bộ căn mẫu cấp 1*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Results:

Số tem : *HC-25863*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến :(*) *Ngày 07 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Giám Đốc
Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* N: 1741E.26/ĐLMT
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

Giá trị căn mẫu (mm)	Giá trị chỉ thị (mm)
1,00	0,50
2,00	0,98
3,00	1,50
4,00	2,00
6,00	3,01
8,00	4,02

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) % RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1742E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Phương tiện đo lực (Vòng lực Marshall)*
Object

Kiểu: *Nén vòng (Model: LWD-1)*
Type:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật :
Specifications:

- Phạm vi đo: $(0 \div 30)$ kN
- Đồng hồ so: từ $0 \div 5$ mm;
- Giá trị vạch chia đồng hồ so: 0,01 mm

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY**
User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN: 108-2002*
Method of Calibration:

Thiết bị sử dụng : *Lực kế chuẩn Proeti (0-100) kN, $U = 0.05\%$*
Standards used: *(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN – VMI)*

Kết quả: *Xem trang sau*
Results:

Số tem : *Tem trên Vòng lực Marshall HC-25864 ; Tem trên đồng hồ so HC-25865*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến : *(*) Ngày 07 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* N°: 1742E.26/DLMT
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

Giá trị đọc trên phương tiện đo (vạch/mm)	Giá trị trung bình đọc trên chuẩn (kN)	Độ KĐBĐ mở rộng: k=2; P=95%
0	0	-
20	2,108	0,38
40	4,835	0,36
60	7,545	0,20
80	10,159	0,19
100	12,662	0,11
120	15,039	0,05
140	17,559	0,43
160	20,293	1,75
180	22,507	1,15
200	25,244	0,79
220	27,468	1.15

Phương trình hiệu chuẩn: $y=0,1266x - 0,1521$

Trong đó: y là giá trị lực chuẩn kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo vạch/mm

Điều kiện môi trường:

Nhiệt độ: 28 °C; độ ẩm 68% RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1743E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Phương tiện đo lực (Máy CBR)*
Object:

Kiểu: *Cơ (Model: N/A)*
Type:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Số: *11133*
Serial No:
Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications:

- Phạm vi đo lực: $(0 \div 50)kN$
- Đồng hồ so: $(0 \div 5)mm$
- Vạch chia: $0,01 mm$

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIẾN HUY**
User :

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 108:2002*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng: *Lực kế chuẩn Proeti $(0 \div 100) kN$, $U = 0,05\%$, $(k=2, P=95\%)$*
Standards used: *(Chuẩn được liên kết với Viện đo lường VN - VMI)*

Kết quả: *Xem trang sau*
Results:

Số tem: *Tem trên máy CBR HC-25866 ; Tem trên đồng hồ so HC-25867*
Stamp No:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) Ngày 07 tháng 5 năm 2027
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Người thực hiện
(Implementer)

Date of issue
Giám Đốc
Director

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* №: 1743E 26/DLMT
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



1. Máy CBR

TT	Giá trị đọc trên phương tiện đo (Vạch/0,01 mm)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (kN)	Độ KĐBĐ mở rộng: k = 2; P = 95%
1	25	5,432	3,65
2	50	10,542	
3	75	15,698	
4	100	21,168	
5	125	26,645	
6	150	31,712	
7	175	37,351	
8	200	42,357	

Phương trình hiệu chuẩn: $y = 0,2111x + 0,0627$

Trong đó: y là giá trị lực chuẩn, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo (Vạch/mm)

2. Đồng hồ so

TT	Bộ căn mẫu chuẩn	Giá trị đọc trên phương tiện đo (mm)	Độ lệch (mm)	Độ KĐBĐ mở rộng: k = 2; P = 95%
1	1	1,00	-	2,26
2	1,25	1,25	-	
3	1,5	1,50	-	
4	2	2,00	-	
5	3	3,00	-	
6	5	5,01	0,01	
7	10	10,01	0,01	

Điều kiện môi trường:

Environmental conditions:

Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities.*)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.

Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1744E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Thiết bị thử độ kim lún nhựa đường*
Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: DF-4)*
Type:

Số: *DF-4*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Specifications:

- Phạm vi đo: $0 \div 50 \text{ mm}$
- Trọng lượng phần chuyển động: $100\text{g} \pm 0,05\text{g}$
- Trọng lượng kim tiêu chuẩn: $2,5\text{g} \pm 0.05\text{g}$

Đơn vị sử dụng: *CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIẾN HUY*
User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 40.2/2020*
Method of calibration:

Thiết bị sử dụng : *Bộ cân mẫu, cân kỹ thuật*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
result:

Số tem: *HC-25868*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 07 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Giám Đốc
Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ Enclose the result sheet with number N^o 1744E.26/DLMT
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results



Vị trí (mm)	Sai số (um)	
	Hành trình lên/Up	Hành trình xuống/Down
1,00	0	+1
2,00	+4	+4
5,00	-4	-5
10,00	-6	-7
20,00	+7	+5
30,00	+5	+6
35,00	-3	-3

Điều kiện môi trường:

Nhiệt độ: 28 °C; độ ẩm 68% RH



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1745E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Thiết bị đo hóa mềm nhựa đường*
Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: 85-2)*
Type:

Số: *10741*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật :
Specifications:
- Phạm vi đo: $(5 \div 125)^{\circ}C$
- Dung tích bình: 1000ml
- Trọng lượng bi: $3.50 \pm 0.05g$; Đường kính viên bi: 9.53 mm

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIẾN HUY**
User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 138.2/2018; ĐLMT 05.2/2018*
Method of calibration:

Thiết bị sử dụng : *Thiết bị đo nhiệt độ, thước cặp, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
result:

Số tem: *HC-25869*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) Ngày 07 tháng 5 năm 2027
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Giám Đốc
Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* **N^o: 1745E.26/DLMT**

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

Chỉ tiêu đo kiểm	Thông số	Kết quả đo
Dung tích cốc:	1000 ml	1000 ml
Nhiệt độ	90 °C	89,3°C
Khối lượng bi:	3.50 ± 0.05 g	3,445g
Đường kính bi:	(9,53) mm	(9,49) mm

Điều kiện môi trường:

Nhiệt độ: 25 °C; độ ẩm 68% RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment. law and in other official activities*).

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn**
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1746E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy nén tam liên*
Object:

Kiểu: *Cơ (Model: WG)*
Type:

Số: *10258*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications:

- Áp lực nén trên vòng 30 cm²: (0 ÷ 800) KPa; tỷ lệ; 1:12
- Áp lực nén trên vòng 50 cm²: (0 ÷ 400) KPa; tỷ lệ; 1:10

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY**
User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 108:2002*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng : *Lực kế chuẩn 100 kN; U= 0,05% (k=2,P=95%)*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC-25870*
Stamp No:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 07 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* N°: 1746E.26/ĐLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

Khối lượng các quả cân (kg)	Số lượng quả cân	Áp suất danh nghĩa (Kpa)	Áp suất theo từng dàn đã tính toán (Kpa)		
			Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
Tiết diện vòng 30cm ²					
0,319	Móc treo	12,5	12,4	12,3	12,3
0,319	1	25	25,3	25,5	24,8
0,637	1	50	49,6	49,6	50,2
1,275	1	100	100,5	99,6	99,5
2,55	1	200	200,8	200,8	200,5
2,55	1	300	301,1	301,0	299,0
2,55	1	400	400,9	401,2	400,5
5,1	2	800	801,2	801,5	801,2
Tiết diện vòng 50cm ²					
0,319	Móc treo	12,5	12,6	12,4	12,2
0,319	1				
0,637	1	25	25,2	25,4	25,5
1,275	1	50	49,2	49,7	49,3
2,55	1	100	100,6	99,3	99,5
2,55	2	200	200,5	200,5	200,4
5,1	1	300	299,1	300,8	300,8
5,1	1	400	400,8	399,2	400,6

Với độ không đảm bảo đo $P=95\%$, $k=2$

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Do Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1747E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Phương tiện đo lực (Vòng lực máy cắt đất)*

Object:

Kiểu: *Cơ, nén vòng (Model: EDJ-1)*

Type:

Số: *EDJ-I*

Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Manufacturer:

Năm: *N/A*

Year:

Đặc trưng kỹ thuật:

Specifications:

- Phạm vi đo: $(0 \div 1,2) \text{ kN}$
- Đồng hồ so: từ $0 \div 10 \text{ mm}$
- Giá trị vạch chia đồng hồ so: $0,01 \text{ mm}$

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIẾN HUY**

User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 108: 2002*

Method of verification:

Thiết bị sử dụng: *Lực kế chuẩn 10 kN; $U = 0,05\%$ ($k=2, P=95\%$)*

Standards used:

(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN – VMI)

Kết quả:

Result:

Xem trang sau

Số tem:

Stamp N°:

Trên vòng lực: HC-25871; Trên đồng hồ so: HC-25872

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) Ngày 07 tháng 5 năm 2027

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* **Nº 1747E.26/DLMT**
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

Giá trị đọc trên phương tiện đo (vạch/mm)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (kN)	Độ KĐBD mở rộng $k=2; p=95\%$
20	0,122	0,49
40	0,234	0,65
60	0,344	0,23
80	0,467	0,24
100	0,588	0,43
120	0,700	0,32
140	0,812	0,51
160	0,925	0,53
180	1,047	0,64

Phương trình hiệu chuẩn: $y = 0,0058x + 0,0036$

Trong đó: y là giá trị tính toán, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo (vạch/mm)

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature:* (28)°C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity:* (67)%RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*).

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1748E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Thiết bị đo độ giãn dài nhựa đường*
Object:

Kiểu: *Cơ(Model: LYS-1)*
Type:

Số: *LYS-1*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật :
Specifications:

- Chiều dài kéo max : $L = 1500 \text{ mm}$
- Tốc độ kéo: $5 \pm 0.25 \text{ cm/phút}$
- Phạm vi đo nhiệt độ: $(5 \div 50) ^\circ\text{C}$

Đơn vị sử dụng: *CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY*
User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 138.2/2018; ĐLMT 05.2/2018*
Method of calibration:

Thiết bị sử dụng : *Thiết bị đo nhiệt độ, thước cặp, căn lá, đồng hồ bấm giây*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
result:

Số tem: *HC-25873*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 07 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Giám Đốc
Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ Enclose the result sheet with number **Nº 1748E.26/DLMT**
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results

Chỉ tiêu đo	Thông số	Kết quả đo
1. Tốc độ kéo:	50 ±1 mm/phút	49 mm/phút
2. Chiều dày khuôn:	10 ±0,01 mm	9 mm
3. Khoảng cách giữa hai đỉnh khuôn:	75±0,5 mm	75 mm
4. Chiều rộng nhỏ nhất của khuôn:	10 ±0,1 mm	10 mm
5. Sai lệch cho phép đo chiều dài:	0,1 %	0,1 %
6. Bộ phận gia nhiệt:	25 ± 0,5 °C	24,6 °C

Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ: 34 °C; độ ẩm 75% RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1749E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Phương tiện đo nhiệt độ (Bể ổn nhiệt)*

Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: N/A)*

Type:

Nơi sản xuất: *Việt Nam*

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật :

Specifications:

Số: *11023*

Serial No:

Năm: *N/A*

Year:

- Phạm vi đo: *(0-120) °C*

- Vạch chia: *0,1 °C*

Đơn vị sử dụng: *CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY*

User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 138.2/2018*

Method of Calibration:

Thiết bị sử dụng: *Bộ nhiệt đa kênh, lò chuẩn nhiệt, cảm biến nhiệt độ chuẩn*

Standards used:

Kết quả:

Results:

Xem trang sau

Số tem:

HC-25874

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 07 tháng 5 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện

Implementer

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* N°: 1749E.26/DLMT
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

TT	Giá trị đọc trên phương tiện đo (°C)	Giá trị đọc trên thiết bị hiệu chuẩn (°C)	Độ lệch (°C)	Độ KĐBD mở rộng: $k=2; P=95\%$
1	40	40,4	0,4	2,4
2	60	60,6	0,6	
3	80	80,8	0,8	
4	100	101,2	1,2	

Điều kiện môi trường:
Environmental conditions:

Nhiệt độ/ *Temperature:* (28) °C
Độ ẩm/ *Relative humidity:* (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities.*)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1750E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Phương tiện đo lực (Kịch thủy lực)*

Object:

Kiểu: *Thủy Lực (Model:N/A)*

Type:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Manufacturer:

Số: *11142*

Serial No:

Năm: *N/A*

Year:

Đặc trưng kỹ thuật:

Specifications:

- Phạm vi đo lực: $(0 \div 30)$ tấn
- Đồng hồ áp suất: $(0 \div 600)$ kg/cm²
- Vạch chia: 10 kg/cm²

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY**

User :

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 108:2002*

Method of verification:

Thiết bị sử dụng:

Lực kế chuẩn Proeti $(0 \div 300)$ kN , $U = 0,05\%$, $(k=2, P=95\%)$

Standards used:

(Chuẩn được liên kết với Viện đo lường VN - VMI)

Kết quả:

Xem trang sau

Results:

Số tem:

Tem trên kích: HC - 25875 ; Tem trên đồng hồ HC-25876

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) Ngày 07 tháng 5 năm 2027

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện
(Implementer)



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* N°: 1750E.26/DLMT
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



Giá trị đọc trên phương tiện đo (kg/cm ²)	Giá trị trung bình trên phương tiện hiệu chuẩn (kN)	Độ KĐBĐ mở rộng: k = 2; P = 95%
100	28,213	3,65
200	61,893	
300	93,501	
400	126,422	
500	158,489	
600	193,798	

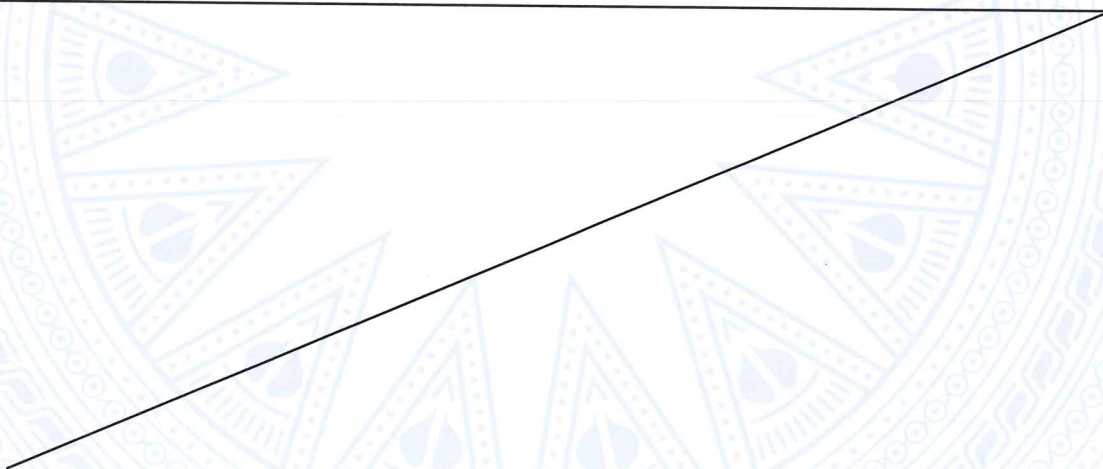
Phương trình hiệu chuẩn: $y = 0,3288x - 4,6774$

Trong đó: y là giá trị tính toán, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo (kg/cm²)

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.

Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1751E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy thử độ bền uốn, kéo, nén (Thiết bị nén, uốn gạch hoa và ngói)*
Object:

Kiểu: *Cơ (Model: N/A)*

Type:

Nơi sản xuất: *Việt Nam*

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật:

Specifications:

Số: *11025*

Serial No:

Năm: *N/A*

Year:

- Phạm vi đo: *(0 ÷ 50) kN*

- Vạch chia: *0,01 kN*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY**

User :

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 109:2002*

Method of verification:

Thiết bị sử dụng : *Lực kế chuẩn 100 kN; U= 0,05% (k=2,P=95%)*

Standards used: *(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN – VMI)*

Kết quả: *Xem trang sau*

Results:

Số tem: *HC-25877*

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) Ngày 07 tháng 5 năm 2027

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện

Implementer

Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* N° 911E.25/DLMT
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

TT	Giá trị đọc trên phương tiện đo (kN)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (kN)	Độ lệch (kN)	Độ KĐĐ mở rộng: k = 2; P = 95%
1	5.00	5.005	0,005	3,65
2	10.00	10.027	0,027	
3	20.00	20.031	0,031	
4	30.00	30.042	0,042	
5	40.00	40.055	0,055	
6	45.00	45.062	0,062	

Phương trình hiệu chuẩn: $y = 1,0042x - 0,0155$

Trong đó: y là giá trị tính toán, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo (kN)

Điều kiện môi trường:

Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions:

Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1752E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy mài mòn Los Angeles*
Object:

Kiểu: *Cơ (Model: TA 638)*
Type:

Nơi sản xuất: *Việt Nam*
Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật :
Specifications:

Số: *110716*
Serial No:

Năm: *N/A*
Year:

- *Tốc độ vòng quay: (0 đến 33) v/p*
- *Đường kính bi: D = 48 mm*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY**
User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 20.2/2020; ĐLMT 15.2/2019*
Method of Calibration:

Thiết bị sử dụng: *Máy đo tốc độ vòng quay, đồng hồ bấm giây, thước kẹp, cân*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Results:

Số tem: *HC-25878*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 07 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy kết quả số/ *Enclose the result sheet with number:* J752E.26/ĐLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

STT	Chỉ tiêu đo	Thông số máy	Kết quả đo
1	Tốc độ quay (vòng/phút)	33	32
2	Đường kính bi (mm)	48	47
3	Trọng lượng các bi (g)	432 ÷ 445	432 ÷ 445
4	Kích thước thùng chứa mẫu (mm)	1000 x 900 x 1000 mm	1000 x 900 x 1000 mm

- Điều kiện môi trường.

Nhiệt độ: 34°C ; Độ ẩm: 67%RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1753E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cân kỹ thuật*
Object

Kiểu: *Điện tử (Model: Ohaus-USA)*
Type:

Số: *11023*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Mỹ*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật :
Specifications:

- Max = 15 kg, min = 10 g
- Vạch chia : d = 0,5 g
- Cấp chính xác III

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIẾN HUY**
User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 16.2/2018*
Method of Calibration:

Thiết bị sử dụng : *Bộ quả cân chuẩn cấp F₁*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Results:

Số tem : *HC - 25879*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến : (*) Ngày *07 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày *07 tháng 5 năm 2026*
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Giám Đốc
Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* **Nº: 1753E.26/ĐLMT**
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

TT	Giá trị quả cân (kg)	Giá trị đọc trên phương tiện đo (g)	Độ lệch (g)	Độ KĐBD mở rộng: $k = 2; P = 95\%$
1	1	1000,0	-	2,89
2	2	2000,0	-	
3	5	5000,0	-	
4	10	10000,5	0,5	
5	15	15000,5	0,5	

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (32)°C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68)%

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn**
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1754E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cân kỹ thuật*
Object

Kiểu: *Điện tử (Model: VIBRA)*
Type:

Số: *11032*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Nhật bản*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật :
Specifications:

- Max = 15 kg, min = 10 g
- Vạch chia : d = 0,5 g
- Cấp chính xác III

Đơn vị sử dụng: *CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIẾN HUY*
User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 16.2/2018*
Method of Calibration:

Thiết bị sử dụng : *Bộ quả cân chuẩn cấp F₁*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Results:

Số tem : *HC - 25880*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến : (*) Ngày *07 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày *07 tháng 5 năm 2026*

Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Giám Đốc
Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* N°: 1754E.26/DLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

TT	Giá trị quả cân (kg)	Giá trị đọc trên phương tiện đo (g)	Độ lệch (g)	Độ KĐBĐ mở rộng: $k=2, P=95\%$
1	1	1000,0	-	2,21
2	2	2000,0	-	
3	5	5000,0	-	
4	10	10000,5	0,5	
5	13	15001,0	1,0	

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (32) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) % RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1755E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cân kỹ thuật*
Object

Kiểu: *Điện tử (Model: JY Electronic Balace)*
Type:

Số: *11717*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật :
Specifications:

- Max = 600 g, min = 0,2 g
- Vạch chia: $d = 0,01$ g
- Cấp chính xác II

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY**
User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 16.2/2018*
Method of Calibration:

Thiết bị sử dụng : *Bộ quả cân chuẩn cấp F_1*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Results:

Số tem : *HC - 25881*
Stamp No:

Ngày hiệu chuẩn đến :(*) *Ngày 07 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng



Giám Đốc
Director

Nguyễn Thành Tân

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ Enclose the result sheet with number **Nº: 1755E.26/ĐLMT**
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results



TT	Giá trị quả cân (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo (g)	Độ lệch (g)	Độ KĐBD mở rộng: $k = 2; P = 95\%$
1	10	10,00	-	2,87
2	100	100,00	-	
3	200	200,01	0,01	
4	300	300,02	0,02	
5	500	500,02	0,02	

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ Temperature: (32)°C

Environmental conditions: Độ ẩm/ Relative humidity: (68)%



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1756E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Thước đo độ võng nền đường*

Object:

Kiểu: *Cơ (JZC - G2)*

Type:

Số: *N/A*

Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Manufacturer:

Năm: *N/A*

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo :

Specifications:

- Phạm vi đo: *(0 ÷ 3000) mm*

- Độ gấp : *1500 mm*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY**

User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 05.2/2018*

Method of calibration:

Thiết bị sử dụng :

Standards used:

Thước cặp, kính lúp, panme

Kết quả:

result:

Xem trang sau

Số tem:

Stamp N°:

HC-25882

Ngày hiệu chuẩn đến (*) *Ngày 07 tháng 5 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director



Mai Tân Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* N° 1756E.26/ĐLMT
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

TT	Kích thước Nêm (mm)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (mm)	Độ lệch (mm)	Độ KĐBĐ mở rộng k = 2; p = 95%
1	2	2,00	-	3,11
2	4	4,00	-	
3	6	6,00	-	
4	8	8,01	0,01	
5	10	10,01	0,01	
6	12	12,02	0,02	



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1757E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: Máy đo điện trở đất

Object:

Kiểu: Điện tử (Model: Kew 4105A)

Type:

Nơi sản xuất: Trung Quốc

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật :

Specifications:

- Phạm vi đo: $(0 \div 20/0 \div 200/0 \div 2000)\Omega$

- Độ chính xác: $\pm 2\%rdg$

Số: N/A

Serial No:

Năm: N/A

Year:

Đơn vị sử dụng: CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY

User:

Địa chỉ: 405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai

Add:

Phương pháp thực hiện: ĐLMT 73.2/2018

Method of calibration:

Thiết bị sử dụng : Hộp trở chuẩn

Standards used:

Kết quả: Xem trang sau

result:

Số tem: HC-25883

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến (*) Ngày 07 tháng 5 năm 2027

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện

Implementer

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* **Nº: 1757E-26/DLMT**
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



Giá trị đọc trên phương tiện đo(Ω)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (Ω)	Độ lệch (Ω)
5	4,96	0,04
10	9,95	0,05
15	14,97	0,03
20	19,8	0,2
50	49,6	0,4
100	99,5	0,5
150	149,7	0,3
200	199,7	0,3
400	400,9	0,9
600	601,2	1,2
1000	1001,3	1,3
2000	2001,5	1,5

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (32) °C
Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*).

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Do Lương Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1758E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy trộn vữa xi măng*

Object:

Kiểu: *Cơ*

Type:

Nơi sản xuất: *Việt Nam*

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật :

Specifications:

- Tốc độ quay cánh: 140/280 v/p

- Tốc độ quay hành tinh: 62/125 v/p; Dung tích thùng trộn: 5 lít

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY**

User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 20.2/2020*

Method of calibration:

Thiết bị sử dụng :

Standards used:

Máy đo tốc độ vòng quay chuẩn

Kết quả:

result:

Xem trang sau

Số tem:

Stamp N°:

HC-25884

Ngày hiệu chuẩn đến (*) Ngày *07 tháng 5 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* N°: 1758E.26/DLMT
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

Chỉ tiêu đo	Thông số	Kết quả đo
1. Tốc độ quay cánh:	140/280 v/p	137/278 v/p
2. Tốc độ quay hành tinh:	62/125 v/p	56/123 v/p
3. Dung tích thùng trộn:	5 lít:	5 lít

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C
Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (70) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1759E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy mài mòn gạch*
Object:

Kiểu: *Cơ (Model: N/A)*
Type:

Nơi sản xuất: *Việt Nam*
Manufacturer:

Số: *10241*
Serial No:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications:

- Tốc độ vòng quay: (0 đến 30) v/p
- Phần mài của đĩa là một vành tròn rộng 200mm
- Khối lượng: 50kg; Kích thước: 600x530x400 mm

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIẾN HUY**
User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 20.2/2020; ĐLMT 15.2/2019*
Method of Calibration:

Thiết bị sử dụng: *Máy đo tốc độ vòng quay, đồng hồ bấm giây, thước kẹp, cân*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Results:

Số tem: *HC-25885*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến (*) *Ngày 07 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng



Giám Đốc
Director

Nguyễn Thành Tân

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy kết quả số/ *Enclose the result sheet with number:* 1759E.26/PLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

STT	Chỉ tiêu đo	Thông số máy	Kết quả đo
1	Tốc độ quay (vòng/phút)	30	29
2	Khối lượng	50	49,7
3	Kích thước	600x530x400mm	600x530x400mm

- Điều kiện môi trường.

Nhiệt độ: 34°C ; Độ ẩm: 67%RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1760E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: Đồng hồ so
Object:

Kiểu: Cơ(LINKS)
Type:

Số: 10541
Serial No:

Nơi sản xuất: Trung Quốc
Manufacturer:

Năm: N/A
Year:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications:

- Phạm vi hoạt động: $(0 \div 10)$ mm
- Vạch chia: 0,01 mm

Đơn vị sử dụng: CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIẾN HUY
User:

Địa chỉ: 405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai
Add:

Phương pháp thực hiện: ĐLMT 75:2001
Method of calibration:

Thiết bị sử dụng: Bộ căn mẫu cấp 1
Standards used:

Kết quả: Xem trang sau
Result:

Số tem: HC-25886
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến (*) Ngày 07 tháng 5 năm 2027
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N^o: 1760E.26/DLMT*

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

Giá trị căn mẫu (mm)	Giá trị đọc trên đồng hồ (mm)	Độ lệch (mm)
2	2,00	-
4	4,00	-
6	6,01	0,01
8	8,00	-
10	10,01	0,01



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Do Lương Miền Trung



DK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1761E.25/ĐLMT

Tên đối tượng: *Súng bột nẩy*

Object:

Kiểu: *Cơ (Mode: ZC3-A)*

Type:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật:

Specifications:

Số: *N/A*

Serial No:

Năm: *N/A*

Year:

- Phạm vi đo: $(10 \div 100) \text{ N/mm}^2$ - Vạch chia: 2 N/mm^2 Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH TIỀN HUY**

User:

Địa chỉ: *405 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 150.2/2020*

Method of calibration:

Thiết bị sử dụng: *S.E06-Đe chuẩn*

Standards used:

Kết quả:

Result:

1st	2nd	3rd	4th	5th	6th	7th	8th	9th	10th
80	79	80	79	80	81	80	80	79	81

Số tem:

HC-25887

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến (*) *Ngày 07 tháng 5 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện

Implementer

Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân



Trang 1

No of page 1

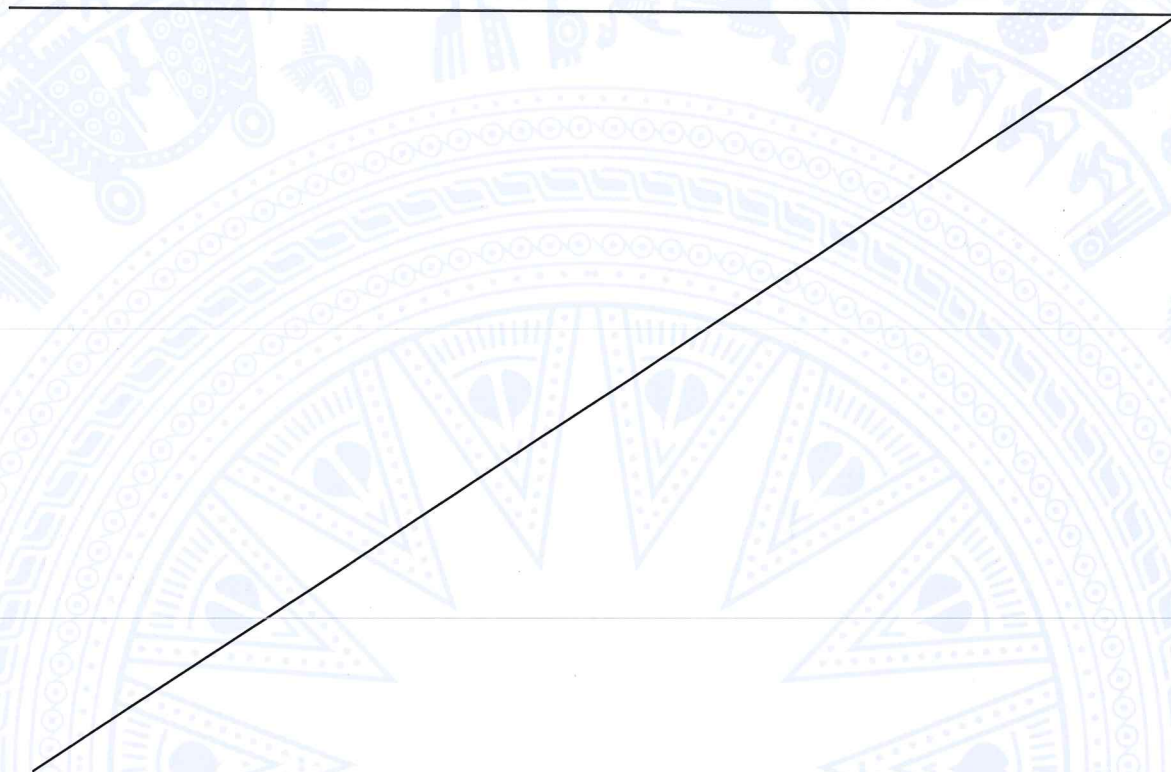
Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Điều kiện môi trường

Nhiệt độ: (31) °C : Độ ẩm : (68) %RH



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)